

UBND TỈNH THANH HÓA SỐ 08/TB-BĐG

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2021

ĐẾN	Số: 2415
	Ngày: 19/01/21
	Chuyển:
	Số và ký hiệu HS:

THÔNG BÁO

Bán đấu giá QSDĐ tại MBQH số 54 MBQH-UBND ngày 26/6/2020 thuộc khu dân cư xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Thực hiện Hợp đồng bán đấu giá QSDĐ số 07/2021/HĐDVĐG ngày 19/01/2021 giữa UBND huyện Hoằng Hoá và Công ty Đấu giá Hợp Danh Minh Anh.

Công ty Đấu giá Hợp Danh Minh Anh thông báo bán đấu giá tài sản như sau:

I. Người có tài sản: UBND huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

II. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất 26 lô đất ở thuộc MBQH số 54/MBQH-UBND ngày 26/6/2020 xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tổng diện tích: 3.879,4 m²

Diện tích từng lô: Từ 140.0 m²/lô đến 271.01 m²/lô.

Giá khởi điểm từng lô: Từ 952.000.000 đồng/lô đến 2.203.281.000 đồng/lô

Tổng giá khởi điểm: 27.657.422.400 đồng (*Hai bảy tỷ sáu trăm lăm mươi bảy triệu bốn trăm hai hai nghìn bốn trăm đồng*).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

1. Mục đích, hình thức và thời hạn sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn.
- Hình thức sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

2. Hình thức đấu giá:

- Đấu giá công khai, rộng rãi.
- Đấu giá từng lô đất trong MBQH.
- Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp một vòng tại cuộc đấu giá.

3. Phương thức đấu giá: Trả giá lên

4. Đối tượng tham gia đấu giá: Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Luật Đất đai 2013 và có đủ điều kiện tham gia theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

6. Phí tham gia đấu giá (Tính chung cho một bộ hồ sơ và không hoàn lại): 500.000 đồng/01 hồ sơ (*Năm trăm nghìn đồng trên một hồ sơ*)

(Hồ sơ đã mua không được đổi, không được trả lại).

7. **Tiền đặt trước:** Từ 100.000.000 đồng/1 hồ sơ (Một trăm triệu đồng trên một bộ hồ sơ) đến 200.000.000 đồng/1 hồ sơ (Hai trăm triệu đồng trên một bộ hồ sơ)
(Có phụ lục kèm theo)

8. **Thời gian xem tài sản, tham khảo hồ sơ, bán hồ sơ :** (Theo giờ hành chính) Từ ngày 20/01/2021 đến ngày 05/02/2021 tại UBND xã Hoàng Lộc và tại Công ty Đấu giá Hợp Danh Minh Anh.

9. **Thời gian nộp tiền đặt trước:** Trong giờ hành chính ngày 04/02/2021 và ngày 05/02/2021.

Khách hàng nộp tiền đặt trước vào tài khoản: Công ty Đấu giá Hợp Danh Minh Anh số: 1018691439 tại ngân hàng Vietcombank (Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam) - Chi nhánh Thanh Hóa (Công ty không thu tiền mặt).

Ghi chú: Nội dung giấy nộp tiền ghi: Họ tên người đăng ký tham gia đấu giá – nộp tiền đặt trước đấu giá QSD đất xã Hoàng Lộc.

* **Thời gian nộp hồ sơ:** Trong giờ hành chính - Từ 08 giờ đến 11 giờ ngày 05/02/2021 tại UBND xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa.

- Trong giờ hành chính từ ngày 20/01/2021 đến 16h30 ngày 05/02/2021 tại Công ty Đấu giá hợp danh Minh Anh.

Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đăng ký tham gia đấu giá
- Bản sao hộ khẩu, chứng minh nhân dân/căn cước công dân chứng thực;
- Bản phô tô giấy nộp tiền;
- Đơn đăng ký nhận lại tiền đặt trước.

10. **Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất**

- Thời gian: Vào 08h00', ngày 07/02/2021.
- Địa điểm: Tại Hội trường UBND xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Chi tiết liên hệ: Công ty Đấu giá Hợp Danh Minh Anh - Địa chỉ: Số nhà 124 Khu liên kết Bào Ngoại, Phường Đông Hương, TP. Thanh Hoá. Điện thoại: 0903.434.727

Nơi nhận:

- Báo Thanh Hóa;
- VP UBND tỉnh Thanh Hóa (để đăng tin);
- Cổng thông tin đấu giá tài sản (để đăng tin);
- UBND huyện Hoàng Hoá (B/c);
- UBND xã Hoàng Lộc;
- Khách hàng tham gia đấu giá;
- Lưu Cty.


GIÁM ĐỐC
Mai Thị Hà

PHỤ LỤC

Giá đất khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư xã Hoàng Lộc

Thông tin của thửa đất đấu giá đất khu dân cư thuộc MBQH số 54/MBQH-UBND ngày 26/6/2020

(Kèm theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của UBND huyện Hoàng Hóa)

STT	Lô số	Diện tích (m ²)	Giá đất Nhà nước quy định (đồng/m ²)	Chi phí BTGPMB (đồng/m ²)	Chi phí đầu tư HTKT (đồng/m ²)	Tổng giá đất Nhà nước quy định + CP BTGPMB + CP HTKT (đồng/m ²)	Giá đất khởi điểm để đấu giá (đồng/m ²)	Giá đất khởi điểm để đấu giá tăng so với tổng giá đất Nhà nước quy định + CP BTGPMB + CP ĐTHTKT (%)	Giá trị QSD đất khởi điểm để đấu giá (đồng)	Tiền đặt cọc để đấu giá (đồng/m ²)
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(2)+(3)+(4)	(6)	(7)=100% [(6)-(5)]/(5)	(8)=(6)*(1)	(9)=(5%-20%)*(8)
MBQH số 54/MBQH-UBND ngày 26/6/2020										
1	D1	270.01	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	8,160,000	50.89	2,203,281,600	200,000,000
2	D2	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
3	D3	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
4	D4	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
5	D5	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
6	D6	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
7	D7	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
8	D8	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
9	D9	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
10	D10	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
11	D11	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
12	D12	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
13	C1	162.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	8,160,000	50.89	1,321,920,000	100,000,000
14	C2	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
15	C3	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
16	C4	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
17	C5	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000

STT	Lô số	Diện tích (m ²)	Giá đất Nhà nước quy định (đồng/m ²)	Chi phí BTGPMB (đồng/m ²)	Chi phí đầu tư HTKT (đồng/m ²)	Tổng giá đất Nhà nước quy định + CP BTGPMB + CP HTKT (đồng/m ²)	Giá đất khởi điểm để đấu giá (đồng/m ²)	Giá đất khởi điểm để đấu giá tăng so với tổng giá đất Nhà nước quy định + CP BTGPMB + CP ĐTHKT (%)	Giá trị QSD đất khởi điểm để đấu giá (đồng)	Tiền đặt cọc để đấu giá (đồng/m ²)
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(2)+(3)+(4)	(6)	(7)=100%-(100-(5)/(6))	(8)=(6)*(1)	(9)=(5%-20%)*(8)
18	C6	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
19	C7	154.20	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	8,160,000	50.89	1,258,272,000	100,000,000
20	C8	162.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	8,160,000	50.89	1,321,920,000	100,000,000
21	C9	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
22	C10	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
23	C11	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
24	C12	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
25	C13	140.00	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	6,800,000	25.74	952,000,000	100,000,000
26	C14	191.18	2,640,000	350,908	2,416,964	5,407,872	8,160,000	50.89	1,560,028,800	100,000,000
Tổng 26 lô		3,879.4							27,657,422,400	2,700,000,000